

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Triển khai Biên bản cuộc họp thành viên UBND tỉnh về Phiên họp thường kỳ tháng 8 ngày 31/8/2018 và Tờ trình số 4719/TTr-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh về việc đăng ký bổ sung Chương trình xây dựng Nghị quyết và đề nghị đưa ra khỏi chương trình xây dựng nghị quyết Kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 2016-2021

1. Quá trình xây dựng Nghị quyết.

1.1. Đối với Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 quy định mức thu, quản lý, sử dụng các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Công văn số 3038/UBND-KTKH ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan có trách nhiệm xây dựng đề án thu phí và lệ phí (đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh):

- Sở Tư pháp tại Công văn số 510/STP-XDKTVB ngày 06/6/2018 về việc thực hiện Công văn số 2236/UBND-KTKH ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1035/SKH-ĐKKD ngày 31/5/2018 về việc rà soát hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính.

- Công văn số 1393/STNMT-KHTC ngày 20/7/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề xuất sửa đổi bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND;

- Công văn số 1390/LĐTBBXH-VLATLĐ ngày 12/7/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND.

- Công văn số 894/CAT-PH41 ngày 22/7/2018 của Công an tỉnh về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND.

- Công văn số 1226/SXD-VP ngày 19/7/2018 của Sở Xây dựng về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND.

- Công văn số 1637/SNN-KHTC ngày 23/7/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND.

1.2. Sửa đổi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Sở Tài chính đề nghị sửa đổi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đối với khai thác bô-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 30.000 đồng/tấn tại Công văn số 1904/STC-QLNS ngày 16/8/2018 của Sở Tài chính.

1.3. Tên Nghị quyết: **sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.**

Tại mục 3 Biên bản cuộc họp thành viên UBND tỉnh về Phiên họp thường kỳ tháng 8 ngày 31/8/2018 đã kết luận gộp nội dung sửa đổi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và sửa đổi Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 quy định mức thu, quản lý, sử dụng các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Triển khai Biên bản cuộc họp thành viên UBND tỉnh về Phiên họp thường kỳ tháng 8 ngày 31/8/2018 và Tờ trình số 4719/TTr-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh và các văn bản tại mục 1.1; 1.2 nêu trên. Sở Tài chính đã dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016; Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Đắk Nông lấy ý kiến UBND các huyện, thị xã; Công ty Nhôm Đắk Nông - Tập đoàn TKV; Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp là các cơ quan có trách nhiệm xây dựng đề án phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 đóng góp ý kiến tại Công văn số 2169/STC-QLNS ngày 13/9/2018 về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung.

Trên cơ sở các văn bản góp ý của UBND các huyện, thị xã; các sở ban ngành có liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút tại Công văn số 2516/UBND-TCKH ngày 19/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại Công văn 1964/LĐTBXH-VLATLĐ ngày 20/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn tại Công văn số 2189/SNN-KL ngày 24/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Sở Xây dựng tại Công văn số 1717/SXD-VP ngày 27/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Sở Tư pháp tại Công văn số 988/STP-XDKTVB ngày 28/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND.

- Công văn số 4227/UBND-TCKH ngày 01/10/2018 của UBND huyện Đắk Song về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Nông.

- Công văn số 1913/UBND-TCKH ngày 06/10/2018 của UBND huyện Kroong Nô về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Nông.

- Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV tại Công văn số 1811/DAN-QLDA ngày 21/9/2018 về việc ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với quặng bô-xít.

2.1. Đối với Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 quy định mức thu, quản lý, sử dụng các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2.1.1. Sửa đổi Điều 1 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn tại Công văn số 2189/SNN-KL ngày 24/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Công văn số 1637/SNN_KHTC ngày 23/7/2018 về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016.

Lý do sửa đổi: cho phù hợp với Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp và Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đề nghị đổi tên phí là Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp.

Theo quy định tại Phụ lục số 1 Danh mục phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND cấp tỉnh ban hành kèm theo Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 không có loại phí Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp. Vì vậy Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên tên phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 là Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống. Các nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung Sở Tài chính đã đưa vào dự thảo Nghị quyết theo Công văn số 1637/SNN-KHTC ngày 23/7/2018 của Sở Nông nghiệp.

2.1.2. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1393/STNMT-KHTC ngày 20/7/2018 đề nghị sửa đổi đối tượng thu phí là Sở Tài nguyên và Môi trường sang Trung tâm hành chính công của tỉnh.

Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 vì Trung tâm Hành chính công là cơ quan được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền thu phí, lệ phí

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định cơ quan thu phí là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí.

Trung tâm hành chính công không phải là tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước về phí, lệ phí mà chỉ là đơn vị tiếp nhận thủ tục hành chính về cung cấp dịch vụ công; cơ quan cung cấp dịch vụ công chính là các cơ quan thực hiện theo Luật phí, lệ phí.

Mặt khác, tại các Công văn số 1185/UBND-KTKH ngày 14/3/2017; Công văn 7011/UBND-VP ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh cũng đã nêu rõ: Trung tâm hành chính công là cơ quan **được ủy quyền** thu phí, lệ phí không phải là cơ quan thu theo quy định.

2.1.3. Sửa đổi Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016. Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 510/STP-XDKTVB ngày 06/6/2018 về việc thực hiện Công văn số 2236/UBND-KTKH ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh;

Sở Tư pháp đề nghị sửa đổi tên phí là: Phí đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Theo quy định tại Phụ lục số 1 Danh mục phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND cấp tỉnh ban hành kèm theo Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 và Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính không có tên loại phí đề nghị trên; chỉ có phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Vì vậy Sở Tài chính đề nghị điều chỉnh tên phí là **phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất** như quy định tại các văn bản trên. Các nội dung chi tiết xác định lại tên phí theo đúng quy định.

2.1.4. Sửa đổi Điều 20. Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1035/SKH-ĐKKD ngày 31/5/2018 về việc rà soát hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính.

- Đối với đề nghị sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 20 đề nghị sửa đơn vị thu phí là Trung tâm Hành chính công tỉnh

Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 vì Trung tâm Hành chính công là cơ quan được Sở Kế hoạch và Đầu tư ủy quyền thu phí, lệ phí (không phải là cơ quan thu phí, lệ phí).

- Đối với đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 20 Sở Tài chính đã tiếp thu vào dự thảo Nghị quyết.

Lý do sửa đổi: cho phù hợp với Thông tư 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp

2.1.5. Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1393/STNMT-KHTC ngày 20/7/2018.

Sở Tài chính đã tiếp thu và sửa đổi dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với Thông tư 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện.

2.1.6. Công văn số 1390/LĐTBXH-VLATLĐ ngày 12/7/2018 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 21 Nghị quyết số 54/2016/NQQ-HĐND ngày 22/12/2016: Đơn vị thu lệ phí cấp giấy phép lao động được để lại 50% lệ phí thu được để trang trải cho chi phí cấp giấy phép lao động.

Đề nghị này không phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ là tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ tiền lệ phí vào ngân sách nhà nước. Sở Tài chính đề nghị không sửa đổi.

2.1.7. Sửa đổi Điều 22 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQQ-HĐND ngày 22/12/2016.

Nội dung sửa đổi điều này là do thay đổi các văn bản hướng dẫn của trung ương về chứng từ thu phí, lệ phí; việc kê khai thu nộp phí, lệ phí hiện hành.

2.2. Nội dung sửa đổi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với bô-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 20.000 đồng/tấn thấp hơn mức quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định là 30.000 đồng/tấn

Đến nay, việc sản xuất của nhà máy Alumin Nhân Cơ cơ bản đi vào ổn định. Sản lượng Alumin sản xuất xấp xỉ công suất thiết kế. Bên cạnh đó, tình hình thu ngân sách của tỉnh dự kiến trong năm 2019 gặp rất nhiều khó khăn. Dự toán thu ngân sách Bộ Tài chính giao cho địa phương tương đối cao, trong khi khả năng đóng góp cho ngân sách của các doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế. Do đó, việc cân nhắc nâng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bô-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông lên mức 30.000 đồng/tấn, bằng với mức giá của tỉnh Lâm Đồng tại Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về việc Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là cần thiết như quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính có quy định

Hội đồng nhân dân tỉnh cần có sự tham khảo các địa phương khác để đảm bảo sự tương đồng của các địa phương.

Công văn số 1811/DAN-QLDA ngày 21/9/2018 của Công ty Nhôm Đắk Nông – TKV đề nghị tiếp tục thực hiện mức thu phí tại Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 là 20.000 đồng/tấn vì công ty đang thời kỳ đầu vận hành nhà máy.

3. Tiếp thu Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

Trên cơ sở các đề nghị và báo cáo nêu tại khoản 2 Tờ trình này, Sở Tài chính hoàn chỉnh Dự thảo 2 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định tại Công văn số 2321/STC-QLNS ngày 02/10/2018.

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 247/BC-STP ngày 08/10/2018 của Sở Tư pháp. Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo 3 trình UBND tỉnh xem xét.

(có dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến; các tài liệu kèm theo theo quy định).

4. Thời gian dự kiến ban hành Nghị quyết

Dự kiến Nghị quyết sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa III, kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp cuối năm) vào tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2018.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình UBND xem xét, trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và ĐT;
- Sở Tài nguyên và MT;
- Sở Xây dựng;
- Sở NN và PTNT;
- Sở LĐTB&XH;
- Sở VH TT & DL;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT-NS (2).



Người ký: Sở Tài
chính
Email:
stc@daknong.gov.
vn
Cơ quan: Tỉnh
Đắk Nông
Thời gian ký:
15.10.2018
16:35:12 +07:00

GIÁM ĐỐC

Nata
Nguyễn Lân Bi

Người ký: Sở
Tài chính
Email: stc@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh
Đắk Nông
Thời gian ký:
15.10.2018
16:35:28 +07:00



Biểu số 02

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Tờ trình số 46 /TTr-STC ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông)

STT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Quan điểm của cơ quan soạn thảo
1	Chỉnh sửa một số lỗi soạn thảo và trình bày văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ như: Tên dự thảo Nghị quyết, căn cứ pháp lý; Sửa đổi một số cụm từ tại Điều 1, Điều 2; Điều chỉnh số thứ tự; bổ sung nơi nhận là Bộ Tài chính.	Tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.
2	Nghiên cứu thêm nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống.	Tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.
3	Sửa đổi nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đã chỉnh sửa theo ý kiến của Sở Tư pháp (cơ quan thẩm định đồng thời là cơ quan xây dựng nội dung Nghị quyết).
4	Sửa đổi khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung lệ phí đăng ký kinh doanh	Tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.
5	Nghiên cứu quy định về tỷ lệ trích để lại cho cơ quan thu theo Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.	Tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.

6	Bãi bỏ khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là Quặng nhôm, Quặng bô-xít	Tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo.	Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định cơ quan thu phí là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí. Trung tâm hành chính công không phải là tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước mà chỉ là đơn vị tiếp nhận thủ tục hành chính về cung cấp dịch vụ công; cơ quan cung cấp dịch vụ công chính là các cơ quan thực hiện theo Luật phí, lệ phí. Mặt khác, tại các Công văn số 1185/UBND-KTKH ngày 14/3/2017; Công văn 7011/UBND-VP ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh cũng đã nêu rõ: Trung tâm hành chính công là cơ quan được ủy quyền thu phí, lệ phí không phải là cơ quan thu theo quy định.
7	Nghiên cứu, giải trình thêm việc không thống nhất tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh tên tổ chức thu phí, lệ phí sang Trung Tâm hành chính công như kiến nghị của một số sở, ngành.		
8	Rà soát, chỉnh lý cho phù hợp với ý kiến của tập thể UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 31/8/2018		

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 247/STC-QLNS
V/v giải trình ý kiến thẩm định của
Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định
dự thảo Nghị quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 15 tháng 10 năm 2018

Kính gửi: - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Báo cáo thẩm định số 247/BCTĐ-STP ngày 11/10/2018; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính đã có báo cáo tổng hợp giải trình đa số các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Tuy nhiên, đối với các ý kiến thẩm định có liên quan đến công tác chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Sở chuyên ngành, như: Nội dung thu phí, đối tượng miễn giảm,... Sở Tài chính (cơ quan tổng hợp đề án) chưa có cơ sở để giải trình hoặc tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Do thời hạn gấp rút, phải hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo thời gian theo Kế hoạch số 498/KH-UBND ngày 24/9/2018. Sở Tài chính đã chủ động hoàn chỉnh Nghị quyết trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và các quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí.

Để việc tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí đảm bảo quy định hiện hành, đề nghị các Sở chuyên ngành nghiên cứu, có ý kiến tại cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (dự kiến tổ chức vào ngày 19/10/2017) đối với các nội dung thuộc lĩnh vực do mình phụ trách, cụ thể như sau:

1. Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn: Nghiên cứu, có ý kiến về nội dung thẩm định đối với việc sửa đổi, bổ sung phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (điểm 1.2 Báo cáo thẩm định số 247/BCTĐ-STP ngày 11/10/2018 của Sở Tư pháp).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Nghiên cứu, có ý kiến về nội dung thẩm định đối với việc sửa đổi, bổ sung lệ phí đăng ký kinh doanh (điểm 1.5 Báo cáo thẩm định số 247/BCTĐ-STP ngày 11/10/2018 của Sở Tư pháp).

Với nội dung như trên, đề nghị các Sở, ngành nghiên cứu, có ý kiến để cơ quan tổng hợp đề án có cơ sở hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Như trên:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, NS (2).



Người ký: Sở Tài
chính
Email:
stc@daknong.gov.
vn
Cơ quan: Tỉnh
Đắk Nông
Thời gian ký:
15.10.2018
16:35:37 +07:00

GIÁM ĐỐC

Natar
Nguyễn Văn Bi

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 2321/STC-QLNS ngày 02/10/2018 về việc thẩm định dự thảo xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ xây dựng Nghị quyết và các văn bản, tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên với nội dung chính như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại các luật có liên quan (Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản có liên quan và điều kiện thực tế tại địa phương). Nội dung dự thảo cơ bản phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định về phí và lệ phí và các văn bản có liên quan.

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau:

1.1- Tên gọi dự thảo cần sửa lại cho chính xác và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (tên loại văn bản kèm theo cụm từ “sửa đổi, bổ sung một số điều của” văn bản được sửa đổi, bổ sung có cùng nội dung sửa đổi, bổ sung

liên quan được khái quát hoặc liệt kê cụ thể tên văn bản được sửa đổi, bổ sung), có thể viết như sau:

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Từ đó, rà soát và sửa lại cho thống nhất trong toàn bộ dự thảo.

1.2- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo (về sửa đổi tiết 6 khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): Cần xem lại một số vấn đề như sau:

Theo quy định tại quy định tại số thứ tự 7 mục I Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (về danh mục phí); khoản 1 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tên gọi đầy đủ, thống nhất của loại phí này là ***“Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống”***. Tuy nhiên, khi tham mưu xây dựng Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân chia thành 06 loại hoạt động có thu phí, cụ thể tại khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Công nhận cây trội (cây mẹ)	Đồng/cây	450.000
2	Công nhận vườn cây đầu dòng (vườn cung cấp hom)	Đồng/giống	1.000.000
3	Thẩm định công nhận lại vườn cây đầu dòng	Đồng/giống	475.000
4	Công nhận lâm phần tuyển chọn	Đồng/giống	750.000
5	Công nhận rừng giống	Đồng/rừng giống	2.750.000
6	Công nhận nguồn gốc lô giống	Đồng/lô giống	750.000

Và tại dự thảo này chỉ đề nghị bổ sung thêm cụm từ ***“giống của lô cây con”*** vào sau cụm từ ***“Công nhận nguồn gốc lô giống”*** (bổ sung ở STT 6, còn các nội dung khác giữ nguyên).

Sở Tư pháp nhận thấy: việc quy định như khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND (nêu trên) là do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham khảo (***kế thừa***) theo Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính (theo mục B phần I của Phụ lục 2) mà

Thông tư này đã ***hết hiệu lực từ ngày 01/01/2017*** (bị thay thế bởi Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp). Theo đó, Thông tư số 207/2016/TT-BTC chỉ còn quy định về nội dung trên như sau:

II	Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp		
1	Hội đồng công nhận giống cây lâm nghiệp mới	01 lần	4.500.000
2	Công nhận lâm phần tuyển chọn	01 giống	750.000
3	Công nhận vườn giống	01 vườn giống	2.750.000
4	Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống	01 lô giống	750.000

Sau đó, Thông tư số 207/2016/TT-BTC lại được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính với nội dung liên quan như sau (*giảm mức thu tại các khoản 2, 3, 4*):

II	Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp		
2	Công nhận lâm phần tuyển chọn	01 giống	600.000
3	Công nhận vườn giống	01 vườn giống	2.400.000
4	Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống	01 lô giống	600.000

Việc cả 02 Thông tư trên đưa các nội dung thu phí (có liên quan đến Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) vào loại phí với tên gọi là “**Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp**” – mà loại phí này nếu đối chiếu lại với quy định tại số thứ tự 6 mục I Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (về danh mục phí) thì ***chỉ thuộc*** thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính (khác với loại phí với tên gọi là “**Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống**” vừa thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính vừa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh).

Do đó, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo cần trao đổi, thống nhất lại với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đối chiếu với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại số thứ tự 7 mục I Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (và khoản 1 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC) để tham mưu việc điều chỉnh đối với “**Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống**” - được quy định tại Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND - cho phù hợp với quy định của pháp luật về phí (*tránh trường hợp quy định về loại phí không thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh*). Như vậy, cơ quan soạn thảo cần tham mưu sửa đổi,

bổ sung **toàn bộ Điều 1** Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn.

*Cần lưu ý: Điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 250/2016/TT-BTC (về nguyên tắc xác định mức thu các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân) quy định: “*Tham khảo mức thu của các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương*”. Qua tham khảo các địa phương khác quy định đối với nội dung này, đều quy định về tên phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC (chỉ quy định về nội dung *bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và nội dung bình tuyến, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống*) - giống như Nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh trước đây đã quy định.

1.3- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo (về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND):

Theo Điều 11 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm đã quy định: “*Khi có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, yêu cầu cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm, thì người yêu cầu phải nộp phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, phí cấp bản sao và phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, trừ trường hợp không phải nộp phí đăng ký, phí cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật*”.

Vì vậy, Sở Tư pháp thống nhất với cơ quan soạn thảo về **tên gọi loại phí** tại STT 1 và 2 khoản 2 Điều 1 dự thảo (vì hoàn toàn phù hợp với số thứ tự 2 và 8 mục XII Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Điều 11 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP). Tuy nhiên, từ STT 1.1 đến STT 1.4 khoản 2 Điều 1 dự thảo, cần sửa lại **nội dung thu phí** như sau cho phù hợp với Nghị định số 102/2017/NĐ-CP (đã trích dẫn ở trên):

1.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm	80.000
1.2	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký	50.000
1.3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	30.000
1.4	Xoá đăng ký biện pháp bảo đảm	20.000

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu các quy định pháp luật mới có liên quan để cập nhật, sửa đổi các nội dung khác tại Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp, cụ thể:

- Việc quy định về “**đối tượng nộp phí**” (tại khoản 1 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): cần viết lại cho phù hợp với Điều 11 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP: “*Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng*

*đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp phí theo quy định. Trường hợp sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký **biện pháp bảo đảm** do lỗi của cán bộ đăng ký thì không phải nộp phí”.*

- Việc quy định về “đối tượng được miễn” (tại khoản 4 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): cần viết lại cho phù hợp với khoản 4 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP): “4. Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản tại phòng công chứng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, **phí đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm**”. Có thể viết như sau: “4. Đối tượng được miễn: Cá nhân, hộ gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.”.

Như vậy, cơ quan soạn thảo cần tham mưu sửa đổi, bổ sung **toàn bộ Điều 13** Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn.

1.4- Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo (về sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 3 Điều 16 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): Sở Tư pháp thống nhất như dự thảo.

1.5- Tại “khoản 3” Điều 1 dự thảo (về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) - đánh sai số thứ tự, sửa lại cho đúng là “khoản 4”:

- Ngày 27/9/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 96/2017/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, tại Điều 1 Thông tư này đã quy định:

“Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã” – đã bổ sung thêm đối tượng là cá nhân, nhóm cá nhân.

Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung đối tượng là “cá nhân, nhóm cá nhân” vào nội dung quy định về **đối tượng nộp lệ phí; tổ chức thu lệ phí và mức thu lệ phí** đăng ký kinh doanh tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp (*dự thảo hiện nay chưa đề cập*).

- Về nội dung dự kiến giảm mức thu đối với đối tượng là “Hợp tác xã” và “Liên hiệp Hợp tác xã”: cơ quan soạn thảo đã tham khảo, vận dụng theo mức giảm tương ứng của đối tượng “doanh nghiệp” theo Thông tư số 130/2017/TT-

BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. Sở Tư pháp cơ bản thống nhất (để bảo đảm sự tương quan chung giữa các chủ thể kinh doanh, hơn nữa đối tượng này cũng cần hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển).

Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cân nhắc thêm nội dung sau: Theo Điều 5 Thông tư số 215/2016/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 130/2017/TT-BTC) quy định như sau:

“Điều 5. Các đối tượng được miễn phí, lệ phí

1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu”.

Do đó, cơ quan soạn thảo nên nghiên cứu, vận dụng để điều chỉnh lại đối tượng được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh tại khoản 4 Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn (bảo đảm sự tương quan chung giữa các chủ thể kinh doanh – như đã nêu trên).

Như vậy, cơ quan soạn thảo cần tham mưu sửa đổi, bổ sung **toàn bộ Điều 20** Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn.

1.6- Tại “khoản 4” Điều 1 dự thảo (về bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 21 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) - đánh sai số thứ tự, sửa lại cho đúng là “khoản 5”:

Việc cơ quan xây dựng Đề án (Sở Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan soạn thảo tham khảo, vận dụng theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan **trung ương** thực hiện thẩm định để nâng mức trích lại cho đơn vị thu phí nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn (như lý giải của Sở Tài nguyên và Môi trường) nhưng cần nghiên cứu, đối chiếu thêm với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 4, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính

phù quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí) để xác định rõ Sở Tài nguyên và Môi trường (là tổ chức thu phí theo Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) có phải là cơ quan nhà nước thuộc diện khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí hay không?

Ngoài ra, đối với nội dung về *Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung* (tại Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): cần rà soát, đối chiếu thêm nội dung Thông tư số 56/2018/TT-BTC để tham mưu cho phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 250/2016/TT-BTC (*Đối với các khoản phí, lệ phí vừa thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính vừa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như: ... phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;... thì quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động do cơ quan Trung ương thực hiện*).

1.7- Tại Điều 2 dự thảo (về sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là Quặng nhôm, Quặng bô-xít tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND):

Cơ quan soạn thảo cần bỏ khoản 2 vì Điều này không có khoản 1 và nội dung được quy định tại khoản 2 này cũng không cần thiết (về nguyên tắc các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung thì đương nhiên thực hiện theo quy định hiện hành).

1.8- Các ý kiến khác:

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc thêm một số vấn đề sau:

- Nghiên cứu bổ sung “Điều khoản chuyển tiếp” để xử lý những vấn đề phát sinh khi Nghị quyết này được ban hành (nếu có).

- Theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo có liên quan, kể từ ngày 18/12/2017, thực hiện một đầu mối tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công, bao gồm việc thực hiện thu phí, lệ phí (theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1558/QĐ-UBND; Công văn số 7011/UBND-VP ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông; Công văn số 1185/UBND-KTKH ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông). Theo đó, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông được phép trích để lại một tỷ lệ nhất định. Nhiều sở ngành đã có ý kiến về việc điều chỉnh tên tổ chức thu phí, lệ phí sang cho Trung tâm Hành chính công tỉnh (cơ quan soạn thảo cũng đã giải trình việc không điều chỉnh); tuy nhiên, để có cơ sở rõ ràng, cụ thể, phù hợp với quy định của pháp

luật về phí, lệ phí và thực tiễn địa phương thì cơ quan soạn thảo cần thuyết trình thêm để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Lưu ý nội dung về tiếp thu, giải trình (tại Bảng tổng hợp ý kiến góp ý; dự thảo Tờ trình) đối với việc thay đổi *mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là Quặng nhôm, Quặng bô-xít* cần rà soát, chỉnh lý lại cho thống nhất với ý kiến của tập thể UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 31/8/2018.

2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (trình bày theo *Mẫu số 36 Phụ lục I*). Cụ thể:

- Sửa lại tên gọi dự thảo như đã nêu tại mục 1.

- Về căn cứ pháp lý:

+ Bổ sung các căn cứ pháp lý trực tiếp điều chỉnh về nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

+ Bổ căn cứ pháp lý thứ 7 và thứ 8 cho phù hợp quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*không căn cứ vào Nghị quyết của HĐND tỉnh*).

+ Tích hợp căn cứ thứ 9 và thứ 10 để viết lại cho chính xác: “*Xét Tờ trình; Báo cáo thẩm tra của; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*”.

- Điều 1 viết lại như sau cho phù hợp với Mẫu số 36 Phụ lục 01 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông:

1. ... như sau:

“ ... ”

2. ... như sau:

“ ... ”

3. ... như sau:

“ ... ”

4. ... như sau:

“ ... ”

5. ... như sau:

“ ... ”

6. ... như sau:

“ ... ”

Trong đó lưu ý: nội dung được sửa đổi, bổ sung phải để trong ngoặc kép (“...”); sửa lại khoản 3 thành khoản 4 và điều chỉnh số thứ tự các khoản tiếp theo cho chính xác (do có 02 khoản 3).

- Điều 2 viết lại như sau cho phù hợp:

Điều 2. Sửa đổi mức thu ... Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

“ ... ”

- Mục nơi nhận: bổ sung gửi Bộ Tài chính theo đúng khoản 1 Điều 13 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Kết luận chung

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được HĐND tỉnh xem xét ban hành là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ những nội dung đã nêu trong Báo cáo thẩm định này, từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trước khi trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (t/h);
- Các Sở: NN&PTNT; KH&ĐT; TN&MT (biết);
- GD Sở, PGD Sở (đ/c Hiếu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, XDKTVB, CV (PT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Hiếu

DỰ THẢO 3

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Qua kiểm tra, rà soát hiệu lực thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 01/9/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 102/2017/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm (thay thế nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010);

Bên cạnh đó, trong thời gian vừa qua, Bộ Tài chính ban hành các Thông tư điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các Thông tư đã ban hành theo thẩm quyền về phí, lệ phí thuộc tất cả các lĩnh vực. Trong đó có thay đổi về đối tượng nộp phí, lệ phí; đối tượng thu phí, lệ phí; mức thu phí, lệ phí; chính sách miễn, giảm phí, lệ phí ...

Vì vậy, qua rà soát văn bản quy phạm pháp luật, phát hiện một số nội dung về phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 chưa bảo đảm đầy đủ các loại phí, lệ phí; mức thu chưa thống nhất với quy định của các Bộ chuyên ngành, pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Ngày 26/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND, theo đó mức thu phí bảo vệ môi trường đối với bột-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 20.000 đồng/tấn (thấp hơn mức quy định trước đây Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tinh luyện Alumin trên địa bàn đang gặp khó khăn. Đến nay, việc sản xuất của nhà máy Alumin Nhân Cơ cơ bản đi vào ổn định. Sản lượng Alumin sản xuất xấp xỉ công suất thiết kế. Bên cạnh đó, tình hình thu ngân sách của tỉnh dự kiến trong năm 2019 gặp rất nhiều thách thức. Do đó, cần cân nhắc nâng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bột-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông lên mức 30.000 đồng/tấn, bằng với mức giá của tỉnh Lâm Đồng tại Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017.

Để đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và hệ thống pháp luật hiện hành giữa trung ương và địa phương thì việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (bao gồm Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông) là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Cụ thể hóa quy định của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ; thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với quy định của Luật và tình hình thực tế tại địa phương.

Kế thừa, đồng thời khắc phục những nội dung còn thiếu, chưa phù hợp với tình hình thực tế đã thay đổi so với Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016; Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; bổ sung, điều chỉnh các quy định có liên quan, đảm bảo tính thống nhất với các văn bản mới của Chính phủ, các bộ ngành trung ương và tình hình mới của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; trên cơ sở đề xuất của các cơ quan có trách nhiệm xây dựng đề án thu phí và lệ phí (đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND cấp tỉnh), ngày 27/6/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 3038/UBND-KTKH. Theo đó, giao Sở Tài chính chủ trì, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 và Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời gửi lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Triển khai Biên bản cuộc họp thành viên UBND tỉnh về Phiên họp thường kỳ tháng 8 ngày 31/8/2018; Tờ trình số 4719/TTr-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh và ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện thị xã và các cơ quan chịu tác động trực tiếp bởi Nghị quyết. Sở Tài chính đã hoàn chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết thành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; đồng thời chỉnh sửa một số nội dung chưa thống nhất.

1. Đối với việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 quy định mức thu, quản lý, sử dụng các khoản phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

a) Sửa đổi Điều 1 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn tại Công văn số 2189/SNN-KL ngày 24/9/2018 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Công văn số 1637/SNN-KHTC ngày 23/7/2018 về việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về phí, lệ phí tại Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016.

Lý do sửa đổi: phù hợp với Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp và Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

b) Sửa đổi Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 510/STP-XDKTVB ngày 06/6/2018 về việc thực hiện Công văn số 2236/UBND-KTKH ngày 16/5/2018 của UBND tỉnh.

Lý do sửa đổi: phù hợp với quy định tại Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

d) Sửa đổi Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1035/SKH-ĐKKD ngày 31/5/2018 về việc rà soát hiệu lực thi hành của các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài chính.

Lý do sửa đổi: phù hợp với quy định tại Thông tư 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

e) Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1393/STNMT-KHTC ngày 20/7/2018.

Lý do sửa đổi: phù hợp với quy định tại Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan Trung ương thực hiện.

f) Sửa đổi Điều 22 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016.

Lý do sửa đổi: phù hợp với sự thay đổi các văn bản hướng dẫn của Trung ương về chứng từ thu phí, lệ phí; việc kê khai thu nộp phí, lệ phí hiện hành.

2. Đối với việc sửa đổi Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với Bô-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 20.000 đồng/tấn (thấp hơn mức quy định trước đây tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tỉnh lỵ Alumin trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, việc sản xuất của nhà máy Alumin Nhân Cơ cơ bản đi vào ổn định. Sản lượng Alumin sản xuất xấp xỉ công suất thiết kế. Bên cạnh đó, tình hình thu ngân sách của tỉnh dự kiến trong năm 2019 gặp rất nhiều khó khăn. Dự toán thu ngân sách Bộ Tài chính giao cho địa phương tương đối cao, trong khi khả năng đóng góp cho ngân sách của các doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế. Do đó, việc cân nhắc nâng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bô-xít trên địa bàn tỉnh Đắk Nông lên mức 30.000 đồng/tấn, bằng với mức giá của tỉnh Lâm Đồng tại Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh Lâm Đồng là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của cơ quan soạn thảo và dự thảo Nghị quyết (lần 2) do Sở Tài chính xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp xem xét, thảo luận tập thể và biểu quyết đa số thông qua việc trình dự thảo Nghị quyết ra Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết áp dụng theo Mẫu số 36 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định mức thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Mỗi khoản trong Điều 1 sẽ điều chỉnh, bổ sung 01 loại phí, lệ phí trong Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông (có Đề án sửa đổi bổ sung cho từng loại phí, lệ phí kèm theo).

Điều 2: Sửa đổi tiết 10 Mục I thuộc khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3: Tổ chức thực hiện.

Điều 4: Hiệu lực thi hành.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc đề nghị thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; (2) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; (3) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; (4) Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp;
- CVP, CPCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bốn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: /2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2018

DỰ THẢO 3

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định
về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày... tháng... năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông:

1. Sửa đổi tiết 6 khoản 3 Điều 1 quy định về phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
6	Công nhận nguồn gốc lô giống, giống của lô cây con	đồng/lô giống	750.000

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 13 quy định về phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất như sau:

“1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp phí theo quy định. Trường hợp sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm do lỗi của cán bộ đăng ký thì không phải nộp phí.

3. Mức thu

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Phí Đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
1.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm	80.000
1.2	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký	50.000
1.3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	30.000
1.4	Xoá đăng ký biện pháp bảo đảm	20.000
1.5	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	40.000
1.6	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	40.000
2	Phí cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000

4. Đối tượng được miễn: Cá nhân, hộ gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 16 quy định về lệ phí hộ tịch như sau:

“2. Tổ chức thu lệ phí.

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Mức thu.

S TT	Nội dung	Mức thu (đồng/lần)	
		Cấp xã	Cấp huyện
1	Đăng ký khai sinh		
1.1	Đăng ký khai sinh đúng hạn	-	60.000
1.2	Đăng ký khai sinh không đúng hạn	7.000	60.000
1.3	Đăng ký lại khai sinh	8.000	70.000
1.4	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000	70.000
2	Đăng ký khai tử		
2.1	Đăng ký khai tử đúng hạn	-	60.000
2.2	Đăng ký khai tử không đúng hạn	5.000	60.000
2.3	Đăng ký lại khai tử	7.000	70.000
3	Đăng ký kết hôn		1.000.000
4	Đăng ký lại kết hôn	25.000	1.000.000
5	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	-	50.000
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000	1.000.000
7	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	15.000	-
8	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	25.000	-
9	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000	-
10	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000	-
11	Xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	-	25.000
12	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	-	60.000
13	Đăng ký hộ tịch khác	5.000	60.000

”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Lệ phí đăng ký kinh doanh như sau:

“1. Đối tượng nộp lệ phí:

a) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Các tổ chức, cá nhân đề nghị cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh của cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Tổ chức thu phí:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thu phí đối với Liên hiệp hợp tác xã.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch: Thu phí đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã.

3. Mức thu:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân	đồng/lần cấp	100.000
1.2	Hợp tác xã	đồng/lần cấp	100.000
1.3	Liên hiệp Hợp tác xã	đồng/lần cấp	100.000
2	Chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	đồng/lần thay đổi	50.000
3	Cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh hoặc bản trích lục nội dung đăng ký kinh doanh	đồng/bản	5.000
4	Cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh	đồng/lần cung cấp	15.000

4. Đối tượng được miễn:

a) Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

b) Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

d) Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

e) Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 Điều 21 quy định về quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí như sau:

a) Đối với cơ quan hành thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí và biên chế thì nộp ngân sách 50% số tiền phí thu được; 50% còn lại để trang

trải chi phí cho hoạt động thu phí. Riêng phí quy định tại Điều 6 Chương III Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì nộp ngân sách nhà nước 20%; 80% còn lại được để lại để trang trải một phần cho hoạt động thu phí.

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 22 về kê khai thu, nộp phí, lệ phí như sau:

1. Chứng từ thu phí, lệ phí là biên lai do cơ quan thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Điều 2. Sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là Quặng nhôm, Quặng bô-xít quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
10	Quặng nhôm, Quặng bô-xít (bouxite)	Tấn	30.000

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa III, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 201...

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính – Ngân sách Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành và đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường chính trị tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;

CHỦ TỊCH

Lê Diễn

- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Chi cục Văn thư Lưu trữ;
- Lưu VT, LĐ và CV phòng CT.HĐND.

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Công văn số 2321/STC-QLNS ngày 02/10/2018 về việc thẩm định dự thảo xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ xây dựng Nghị quyết và các văn bản, tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên với nội dung chính như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo; tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại các luật có liên quan (Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản có liên quan và điều kiện thực tế tại địa phương). Nội dung dự thảo cơ bản phù hợp với quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định về phí và lệ phí và các văn bản có liên quan.

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau:

1.1- Tên gọi dự thảo cần sửa lại cho chính xác và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (tên loại văn bản kèm theo cụm từ "sửa đổi, bổ sung một số điều của" văn bản được sửa đổi, bổ sung có cùng nội dung sửa đổi, bổ sung

liên quan được khái quát hoặc liệt kê cụ thể tên văn bản được sửa đổi, bổ sung), có thể viết như sau:

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Từ đó, rà soát và sửa lại cho thống nhất trong toàn bộ dự thảo.

1.2- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo (về sửa đổi tiết 6 khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): Cần xem lại một số vấn đề như sau:

Theo quy định tại quy định tại số thứ tự 7 mục I Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (về danh mục phí); khoản 1 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tên gọi đầy đủ, thống nhất của loại phí này là **“Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống”**. Tuy nhiên, khi tham mưu xây dựng Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân chia thành 06 loại hoạt động có thu phí, cụ thể tại khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Công nhận cây trội (cây mẹ)	Đồng/cây	450.000
2	Công nhận vườn cây đầu dòng (vườn cung cấp hom)	Đồng/giống	1.000.000
3	Thẩm định công nhận lại vườn cây đầu dòng	Đồng/giống	475.000
4	Công nhận lâm phần tuyển chọn	Đồng/giống	750.000
5	Công nhận rừng giống	Đồng/rừng giống	2.750.000
6	Công nhận nguồn gốc lô giống	Đồng/lô giống	750.000

Và tại dự thảo này chỉ đề nghị bổ sung thêm cụm từ **“giống của lô cây con”** vào sau cụm từ **“Công nhận nguồn gốc lô giống”**; (bổ sung ở STT 6, còn các nội dung khác giữ nguyên).

Sở Tư pháp nhận thấy: việc quy định như khoản 3 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND (nêu trên) là do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham khảo (**kế thừa**) theo Thông tư số 180/2011/TT-BTC ngày 14/12/2011 của Bộ Tài chính (theo mục B phần I của Phụ lục 2) mà

Thông tư này đã ***hết hiệu lực từ ngày 01/01/2017*** (bị thay thế bởi Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp). Theo đó, Thông tư số 207/2016/TT-BTC chỉ còn quy định về nội dung trên như sau:

II	Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp		
1	Hội đồng công nhận giống cây lâm nghiệp mới	01 lần	4.500.000
2	Công nhận lâm phần tuyển chọn	01 giống	750.000
3	Công nhận vườn giống	01 vườn giống	2.750.000
4	Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống	01 lô giống	750.000

Sau đó, Thông tư số 207/2016/TT-BTC lại được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính với nội dung liên quan như sau (*giảm mức thu tại các khoản 2, 3, 4*):

II	Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp		
2	Công nhận lâm phần tuyển chọn	01 giống	600.000
3	Công nhận vườn giống	01 vườn giống	2.400.000
4	Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống	01 lô giống	600.000

Việc cả 02 Thông tư trên đưa các nội dung thu phí (có liên quan đến Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) vào loại phí với tên gọi là **“Phí bảo hộ giống cây lâm nghiệp”** – mà loại phí này nếu đối chiếu lại với quy định tại số thứ tự 6 mục I Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (về danh mục phí) thì ***chỉ thuộc*** thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính (khác với loại phí với tên gọi là **“Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống”** vừa thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính vừa thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh).

Do đó, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo cần trao đổi, thống nhất lại với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đối chiếu với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại số thứ tự 7 mục I Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 (và khoản 1 Điều 2, điểm c khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC) để tham mưu việc điều chỉnh đối với **“Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống”** - được quy định tại Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND - cho phù hợp với quy định của pháp luật về phí (*tránh trường hợp quy định về loại phí không thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh*). Như vậy, cơ quan soạn thảo cần tham mưu sửa đổi,

bổ sung **toàn bộ Điều 1** Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn.

*Cần lưu ý: Điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 250/2016/TT-BTC (về nguyên tắc xác định mức thu các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân) quy định: “*Tham khảo mức thu của các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng để bảo đảm sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương*”. Qua tham khảo các địa phương khác quy định đối với nội dung này, đều quy định về tên phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC (chỉ quy định về nội dung bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và nội dung bình tuyến, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống) - giống như Nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh trước đây đã quy định.

1.3- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo (về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND):

Theo Điều 11 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm đã quy định: “*Khi có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, yêu cầu cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm, thì người yêu cầu phải nộp phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, phí cấp bản sao và phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, trừ trường hợp không phải nộp phí đăng ký, phí cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật*”.

Vì vậy, Sở Tư pháp thống nhất với cơ quan soạn thảo về **tên gọi loại phí** tại STT 1 và 2 khoản 2 Điều 1 dự thảo (vì hoàn toàn phù hợp với số thứ tự 2 và 8 mục XII Phần A Phụ lục 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Điều 11 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP). Tuy nhiên, từ STT 1.1 đến STT 1.4 khoản 2 Điều 1 dự thảo, cần sửa lại **nội dung thu phí** như sau cho phù hợp với Nghị định số 102/2017/NĐ-CP (đã trích dẫn ở trên):

1.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm	80.000
1.2	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký	50.000
1.3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	30.000
1.4	Xoá đăng ký biện pháp bảo đảm	20.000

Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu các quy định pháp luật mới có liên quan để cập nhật, sửa đổi các nội dung khác tại Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp, cụ thể:

- Việc quy định về “đối tượng nộp phí” (tại khoản 1 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): cần viết lại cho phù hợp với Điều 11 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP: “*Tổ chức, cá nhân có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng*

đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải nộp phí theo quy định. Trường hợp sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký **biện pháp bảo đảm** do lỗi của cán bộ đăng ký thì không phải nộp phí”.

- Việc quy định về “đối tượng được miễn” (tại khoản 4 Điều 13 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): cần viết lại cho phù hợp với khoản 4 Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP): “4. Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản tại phòng công chứng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, **phí đăng ký giao dịch bảo đảm** tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm”. Có thể viết như sau: “4. Đối tượng được miễn: Cá nhân, hộ gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.”.

Như vậy, cơ quan soạn thảo cần tham mưu sửa đổi, bổ sung **toàn bộ Điều 13** Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn.

1.4- Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo (về sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 3 Điều 16 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): Sở Tư pháp thống nhất như dự thảo.

1.5- Tại “khoản 3” Điều 1 dự thảo (về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) - đánh sai số thứ tự, sửa lại cho đúng là “khoản 4”:

- Ngày 27/9/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 96/2017/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, tại Điều 1 Thông tư này đã quy định:

“Lệ phí đăng ký kinh doanh là khoản thu đối với **cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã** khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã” – đã bổ sung thêm đối tượng là **cá nhân, nhóm cá nhân**.

Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung đối tượng là “cá nhân, nhóm cá nhân” vào nội dung quy định về **đối tượng nộp lệ phí, tổ chức thu lệ phí** và **mức thu lệ phí** đăng ký kinh doanh tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp (dự thảo hiện nay chưa đề cập).

- Về nội dung dự kiến giảm mức thu đối với đối tượng là “Hợp tác xã” và “Liên hiệp Hợp tác xã”: cơ quan soạn thảo đã tham khảo, vận dụng theo mức giảm tương ứng của đối tượng “doanh nghiệp” theo Thông tư số 130/2017/TT-

BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. Sở Tư pháp cơ bản thống nhất (để bảo đảm sự tương quan chung giữa các chủ thể kinh doanh, hơn nữa đối tượng này cũng cần hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển).

Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cần nhắc thêm nội dung sau: Theo Điều 5 Thông tư số 215/2016/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 130/2017/TT-BTC) quy định như sau:

“Điều 5. Các đối tượng được miễn phí, lệ phí

1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu”.

Do đó, cơ quan soạn thảo nên nghiên cứu, vận dụng để điều chỉnh lại đối tượng được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh tại khoản 4 Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn (bảo đảm sự tương quan chung giữa các chủ thể kinh doanh – như đã nêu trên).

Như vậy, cơ quan soạn thảo cần tham mưu sửa đổi, bổ sung **toàn bộ Điều 20** Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND cho phù hợp hơn.

1.6- Tại “khoản 4” Điều 1 dự thảo (về bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 21 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) - đánh sai số thứ tự, sửa lại cho đúng là “khoản 5”:

Việc cơ quan xây dựng Đề án (Sở Tài nguyên và Môi trường) và cơ quan soạn thảo tham khảo, vận dụng theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan **trung ương** thực hiện thẩm định để nâng mức trích lại cho đơn vị thu phí nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn (như lý giải của Sở Tài nguyên và Môi trường) nhưng cần nghiên cứu, đối chiếu thêm với quy định của pháp luật hiện hành (Điều 4, Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính

phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí) để xác định rõ Sở Tài nguyên và Môi trường (là tổ chức thu phí theo Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND) có phải là cơ quan nhà nước **thuộc diện khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí** hay không?

Ngoài ra, đối với nội dung về **Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung** (tại Điều 6 Quy định kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND): cần rà soát, đối chiếu thêm nội dung Thông tư số 56/2018/TT-BTC để tham mưu cho phù hợp với quy định của Trung ương và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 250/2016/TT-BTC (**Đối với các khoản phí, lệ phí vừa thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Tài chính vừa thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như: ... phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;... thì quy định mức thu phí, lệ phí cần đảm bảo tương quan với mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động do cơ quan Trung ương thực hiện**).

1.7- Tại Điều 2 dự thảo (về sửa đổi mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là **Quặng nhôm, Quặng bô-xít** tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND):

Cơ quan soạn thảo cần bỏ khoản 2 vì Điều này không có khoản 1 và nội dung được quy định tại khoản 2 này cũng không cần thiết (về nguyên tắc các nội dung khác không được sửa đổi, bổ sung thì đương nhiên thực hiện theo quy định hiện hành).

1.8- Các ý kiến khác:

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc thêm một số vấn đề sau:

- Nghiên cứu bổ sung “Điều khoản chuyển tiếp” để xử lý những vấn đề phát sinh khi Nghị quyết này được ban hành (nếu có).

- Theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo có liên quan, kể từ ngày 18/12/2017, thực hiện một đầu mối tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công, bao gồm việc thực hiện thu phí, lệ phí (theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1558/QĐ-UBND; Công văn số 7011/UBND-VP ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông; Công văn số 1185/UBND-KTKH ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông). Theo đó, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông được phép trích để lại một tỷ lệ nhất định. Nhiều sở ngành đã có ý kiến về việc điều chỉnh tên tổ chức thu phí, lệ phí sang cho Trung tâm Hành chính công tỉnh (cơ quan soạn thảo cũng đã giải trình việc không điều chỉnh); tuy nhiên, để có cơ sở rõ ràng, cụ thể, phù hợp với quy định của pháp

luật về phí, lệ phí và thực tiễn địa phương thì cơ quan soạn thảo cần thuyết trình thêm để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Lưu ý nội dung về tiếp thu, giải trình (tại Bảng tổng hợp ý kiến góp ý; dự thảo Tờ trình) đối với việc thay đổi *mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là Quặng nhôm, Quặng bô-xít* cần rà soát, chỉnh lý lại cho thống nhất với ý kiến của tập thể UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 31/8/2018.

2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát lại lỗi chính tả cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*trình bày theo Mẫu số 36 Phụ lục I*). Cụ thể:

- Sửa lại tên gọi dự thảo như đã nêu tại mục 1.

- Về căn cứ pháp lý:

+ Bổ sung các căn cứ pháp lý trực tiếp điều chỉnh về nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

+ Bỏ căn cứ pháp lý thứ 7 và thứ 8 cho phù hợp quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*không căn cứ vào Nghị quyết của HĐND tỉnh*).

+ Tích hợp căn cứ thứ 9 và thứ 10 để viết lại cho chính xác: “*Xét Tờ trình; Báo cáo thẩm tra của; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*”.

- Điều 1 viết lại như sau cho phù hợp với Mẫu số 36 Phụ lục 01 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông:

1. ... như sau:

“ ... ”

2. ... như sau:

“ ... ”

3. ... như sau:

“ ... ”

4. ... như sau:

“ ... ”

5. ... như sau:

“ ... ”

6. ... như sau:

“ ... ”

Trong đó lưu ý: nội dung được sửa đổi, bổ sung phải để trong ngoặc kép (“... ”); sửa lại khoản 3 thành khoản 4 và điều chỉnh số thứ tự các khoản tiếp theo cho chính xác (do có 02 khoản 3).

- Điều 2 viết lại như sau cho phù hợp:

Điều 2. Sửa đổi mức thu ... Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức thu về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như sau:

“ ... ”

- Mục nơi nhận: bổ sung gửi Bộ Tài chính theo đúng khoản 1 Điều 13 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Kết luận chung

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được HĐND tỉnh xem xét ban hành là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn địa phương. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ những nội dung đã nêu trong Báo cáo thẩm định này, từ đó tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trước khi trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật./.


Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (t/h);
- Các Sở: NN&PTNT; KH&ĐT; TN&MT (biết);
- GD Sở, PGD Sở (d/c Hiệu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, XDKTVB, CV (PT).



Người ký: Sở
Tư pháp
Email:
stp@daknong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh
Đắk Nông
Thời gian ký:
11.10.2018
07:39:43 +07:00

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Trung Hiếu